

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 38/2026/QH16

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng
đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Sau khi xem xét Tờ trình số 442/TTr-CP ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ, Báo cáo Thăm tra số 767/BC-UBKTTTC16 ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Báo cáo số 615/BC-CP ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội và các tài liệu có liên quan.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội (sau đây gọi là Dự án).

Điều 2

1. Mục tiêu:

Hình thành tuyến đường bộ cao tốc kết nối Thủ đô Hà Nội với các địa phương

trong Vùng nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải bền vững, tạo động lực lan tỏa, mở ra không gian phát triển kinh tế mới; tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phân luồng giao thông từ xa, góp phần giảm ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường; hoàn thiện đồng bộ hệ thống đường vành đai Thủ đô Hà Nội và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và các Nghị quyết của Đảng.

2. Phạm vi, địa điểm, quy mô và hình thức đầu tư:

Đầu tư khoảng 349 km thuộc địa phận 07 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Phú Thọ; hình thức đầu tư công; chia thành các dự án thành phần, quy mô từng dự án thành phần được xác định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Công nghệ:

Dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm yêu cầu về an toàn, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong khảo sát, thiết kế, thi công, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hình thức thu phí điện tử không dừng trong khai thác, vận hành.

4. Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất:

Sơ bộ tổng nhu cầu sử dụng đất khoảng 4.011 ha, gồm đất trồng lúa khoảng 1.776 ha (trong đó đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên khoảng 1.590 ha); đất lâm nghiệp khoảng 210 ha; các loại đất khác theo quy định của pháp luật về đất đai khoảng 2.025 ha.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

a) Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án là 288.268 tỷ đồng (*Hai trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*);

b) Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí trong các kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn và nguồn vốn hợp pháp khác. Trong đó, dự kiến bố trí khoảng 61.394 tỷ đồng (*Sáu mươi một nghìn, ba trăm chín mươi bốn tỷ đồng*) nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 để đầu tư tuyến chính cao tốc (khoảng 116 km thuộc địa phận 04 tỉnh, thành phố: Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh).

6. Tiến độ thực hiện:

Chuẩn bị đầu tư Dự án từ năm 2026; thực hiện Dự án từ năm 2027; phần đầu hoàn thành toàn tuyến trước năm 2035, trong đó:

- Đối với các dự án thành phần sử dụng ngân sách trung ương được cân đối vốn giai đoạn 2026 - 2030 cơ bản hoàn thành năm 2030, đưa vào vận hành, khai thác năm 2031.

- Đối với các dự án thành phần sử dụng vốn ngân sách địa phương, các địa phương căn cứ khả năng cân đối vốn, chủ động triển khai thực hiện.

Điều 3

Dự án được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt sau đây:

1. Trong thời gian Quốc hội không họp, Quốc hội ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, trừ các trường hợp sau:

a) Trường hợp tăng phần vốn ngân sách trung ương bố trí cho Dự án, trình Quốc hội xem xét, quyết định;

b) Trường hợp tăng phần vốn ngân sách địa phương bố trí cho Dự án do địa phương xem xét, quyết định.

2. Dự án không phải thẩm định, đánh giá nguồn vốn, khả năng cân đối vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư tổ chức thực hiện tiêu dự án hoặc các tiểu dự án di dời công trình điện có điện áp từ 110 kV trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Dự án đi qua chủ động bố trí, xây dựng khu tái định cư cho Dự án trên cơ sở hồ sơ thiết kế sơ bộ trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

4. Cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bãi đổ chất thải xây dựng trong Hồ sơ khảo sát Dự án và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu để đổ chất thải xây dựng của Dự án; tổ chức quản lý bãi đổ chất thải xây dựng của Dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện trong bước nghiên cứu khả thi của Dự án. Hồ sơ đề xuất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là thành phần hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án. Quyết định phê duyệt Dự án đồng thời là Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

6. Cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc Dự án. Trình tự, thủ tục chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

7. Trường hợp việc lập, thẩm định, phê duyệt Dự án có nội dung khác với quy hoạch có liên quan thì Dự án được phê duyệt mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch. Sau khi Dự án được phê duyệt, các quy hoạch có liên quan phải được kịp thời rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố.

8. Nguồn thu từ việc phát triển các khu đô thị, khu chức năng xung quanh tuyến đường sau khi trừ đi chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực phát triển khu đô thị, khu chức năng hai bên tuyến đường Vành đai 5 và chi phí khác có liên quan theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp tỉnh được giữ lại một phần tỷ lệ để nộp vào ngân sách địa phương và phần còn lại nộp vào ngân sách trung ương. Giao Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ phân chia và phương thức thực hiện.

9. Giao Chính phủ xem xét, quyết định chuyển đổi hình thức đầu tư các dự án thành phần mà không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; tổng hợp và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4

1. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Triển khai tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác, vận hành Dự án theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan; đôn đốc, kiểm tra các địa phương được giao làm cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền bảo đảm nguồn vốn thực hiện và tiến độ, chất lượng Dự án; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của nội dung, thông tin, số liệu liên quan tới Dự án;

b) Tính toán phạm vi, tổng mức đầu tư các dự án thành phần; chuẩn xác phạm vi đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 theo khả năng cân đối vốn trong bước Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật; triển khai bảo đảm kế hoạch vay và trả nợ công quốc gia;

c) Quyết định cụ thể cơ quan chủ quản các dự án thành phần; chỉ đạo cơ quan chủ quản tiếp tục nghiên cứu huy động nguồn vốn đầu tư các dự án thành phần theo phương thức đối tác công tư trong bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi để lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp;

d) Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hiệu quả; không để trục lợi chính sách, tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong quá trình thực hiện; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình thực hiện Dự án; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư và hỗ trợ triển khai thực hiện Dự án.

2. Trong quá trình thực hiện, Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng các nguồn vốn hợp pháp theo thẩm quyền để bố trí đủ vốn phù hợp với tiến độ thực hiện, không để xảy ra tình trạng phải dừng, tạm dừng Dự án do không cân đối được vốn.

3. Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai đầu tư xây dựng đường song hành (đường bên) (ưu tiên đoạn đường song hành với tuyến chính cao tốc đã được cân đối vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030); được chủ động tạm ứng vốn ngân sách địa phương cho các nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trong điều kiện nguồn vốn ngân sách trung ương đã được cân đối nhưng chưa kịp bố trí, ngân sách trung ương sẽ hoàn trả khi được bố trí; khẩn trương rà soát quy hoạch có liên quan để quyết định phạm vi, quy mô đường song hành; ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng các tuyến giao thông kết nối với Vành đai 5 đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực; quản lý quỹ đất hai bên tuyến để phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ; xác định các mỏ vật liệu, khu vực đổ thải để phục vụ Dự án.

Ủy ban nhân dân các tỉnh Ninh Bình, Phú Thọ đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án liên quan bảo đảm khớp nối, đồng bộ, khai thác hiệu quả với đường Vành đai 5; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội triển khai đầu tư nút giao giữa đường Vành đai 5 với trục Hồ Tây - Ba Vì, cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình bảo đảm đầu tư đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

Điều 5

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận chủ trương đầu tư Dự án, giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC

Danh mục các dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội (Kèm theo Nghị quyết số 38/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026)

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô đầu tư		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (tỷ đồng)	
			Số làn xe	Cấp đường (km/h)		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
I	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư (bao gồm tuyến chính cao tốc và đường song hành)	314			78.142	49.851	28.291
1	DATP I-1A: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình, phân đoạn từ nút giao Thái Hà đến cầu Thái Hà	03			116	46	70
2	DATP I-1B: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình, phân đoạn từ ranh giới với thành phố Hà Nội đến nút giao Thái Hà	03			302	217	85
3	DATP I-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn tỉnh Hưng Yên	27			5.379	2.284	3.095
4	DATP I-3: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng	63			15.778	10.944	4.834
5	DATP I-4A: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh, phân đoạn từ ranh giới với thành phố Hải Phòng đến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	22			6.022	3.969	2.053
6	DATP I-4B: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh, phân đoạn từ cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đến ranh giới với tỉnh Thái Nguyên	27			8.179	5.051	3.128
7	DATP I-5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên	46			10.222	7.140	3.082
8	DATP I-6: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Thọ	72			10.241	6.902	3.339
9	DATP I-7: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua địa bàn thành phố Hà Nội	51			21.903	13.298	8.605
II	Xây dựng đường cao tốc	349			165.341	165.341	
1	DATP II-1: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình	32	06	100-120	25.930	25.930	
2	DATP II-2: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Hưng Yên	22			6.433	6.433	
3	DATP II-3: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng	61			34.969	34.969	
4	DATP II-4A: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh, phân đoạn từ ranh giới với thành phố Hải Phòng đến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	22			10.599	10.599	

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô đầu tư		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (tỷ đồng)	
			Số làn xe	Cấp đường (km/h)		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
5	DATP II-4B: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh, phân đoạn từ cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đến ranh giới với tỉnh Thái Nguyên	27	06	100-120	11.615	11.615	
6	DATP II-5: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên	46			14.085	14.085	
7	DATP II-6: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Thọ	72			24.148	24.148	
8	DATP II-7: Xây dựng đường cao tốc đoạn qua địa bàn thành phố Hà Nội	48			18.398	18.398	
9	DATP II-8A: Xây dựng cầu Thái Hà và Sông Luộc	11			7.697	7.697	
10	DATP II-8B: Xây dựng cầu Vĩnh Thịnh	08			11.467	11.467	
III	Xây dựng đường song hành	590			44.785		44.785
1	DATP III-1A: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình, phân đoạn từ nút giao Thái Hà đến cầu Thái Hà	01	tối thiểu 02 làn xe	60-80	60		60
2	DATP III-1B: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Bình, phân đoạn từ ranh giới với thành phố Hà Nội đến nút giao Thái Hà	06			300		300
3	DATP II-2: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Hưng Yên	59			4.898		4.898
4	DATP II-3: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng	110			12.920		12.920
5	DATP III-4A: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh, phân đoạn từ ranh giới với thành phố Hải Phòng đến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	40			3.412		3.412
6	DATP III-4B: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Bắc Ninh, phân đoạn từ cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đến ranh giới với tỉnh Thái Nguyên	57			4.326		4.326
7	DATP III-5: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên	85			4.705		4.705
8	DATP III-6: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn tỉnh Phú Thọ	130			6.716		6.716
9	DATP III-7: Xây dựng đường song hành đoạn qua địa bàn thành phố Hà Nội	102			7.448		7.448
	TỔNG CỘNG (I + II + III)				288.268	215.192	73.076